

Thanh Hóa, ngày tháng 11 năm 2023

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 28-29/10/2023

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
1	2067020041	Nguyễn Việt	Dũng	CN	ĐH	9.5	7.0	6.5	5.0	7.0	
2	1967020013	Cao Thế	Duy	CN	ĐH	9.5	7.0	3.0	4.0	6.0	
3	2067020043	Trần Thị	Hiền	CN	ĐH	9.5	8.5	0.0	6.0	0.0	ĐC
4	2067020045	Dur Thị	Hiền	CN	ĐH	9.5	6.0	4.0	7.5	7.0	
5	1967010017	Trần Mạnh	Hùng	CN	ĐH	9.5	5.5	7.0	7.0	7.5	
6	2067020051	Lê Hoàng Trung	Kiên	CN	ĐH	9.5	7.0	5.5	4.0	6.5	
7	2067020053	Nguyễn Thị Hoa	Lê	CN	ĐH	9.5	4.0	7.5	7.0	7.0	
8	1967020025	Bùi Thị	Ngọc	CN	ĐH	9.5	4.0	3.5	2.0	5.0	
9	2067020059	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CN	ĐH	9.5	5.5	4.5	2.5	5.5	
10	1867020036	Hà Thị	Nhung	CN	ĐH	9.5	8.5	5.0	8.0	8.0	
11	1967020039	Phạm Thị	Thương	CN	ĐH	9.5	4.5	3.5	4.0	5.5	
12	1967020042	Lê Thị Đài	Trang	CN	ĐH	9.5	6.0	2.5	1.5	5.0	
13	2164010001	Lê Thị	An	KC	ĐH	4.5	4.0	4.5	2.5	4.0	
14	2164010058	Hoàng Thúy	An	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
15	2064010105	Nguyễn Thị Phương	Anh	KC	ĐH	Vắng	3.5	5.5	4.0	Vắng	
16	2161070001	Phạm Tuấn	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
17	2161070002	Lê Tuấn	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	Vắng	
18	2161070003	Nguyễn Tuấn	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	Vắng	
19	2164010004	Lê Kiều	Anh	KC	ĐH	5.5	5.0	2.5	8.0	5.5	
20	2164010005	Nguyễn Thị Lan	Anh	KC	ĐH	3.0	3.5	2.5	1.0	2.5	
21	2164010006	Nguyễn Thị Vân	Anh	KC	ĐH	5.0	5.5	3.5	5.0	5.0	
22	2164010059	Trần Thị Thu	Anh	KC	ĐH	Vắng	3.5	5.0	4.0	Vắng	
23	2164010061	Cao Thị Kiều	Anh	KC	ĐH	Vắng	2.5	3.0	0.0	Vắng	
24	2164010062	Dương Thị Hồng	Anh	KC	ĐH	Vắng	3.0	4.0	0.5	Vắng	
25	2164010063	Lê Thị Huyền	Anh	KC	ĐH	3.5	3.0	3.5	1.0	3.0	
26	2164010064	Phạm Phương	Anh	KC	ĐH	Vắng	4.0	3.0	1.0	Vắng	
27	2164010125	Lê Thị Lan	Anh	KC	ĐH	3.0	3.0	2.5	1.0	2.5	
28	2164010126	Hoàng Thị Ngọc	Anh	KC	ĐH	5.0	4.5	3.5	3.5	4.0	
29	2164010127	Lê Quỳnh	Anh	KC	ĐH	3.0	3.0	3.5	1.0	2.5	
30	2164010128	Lê Việt	Anh	KC	ĐH	3.0	4.5	2.5	0.5	2.5	
31	2164010129	Lương Thị Vân	Anh	KC	ĐH	4.5	4.0	3.5	2.0	3.5	
32	2164010185	Lê Phương	Anh	KC	ĐH	Vắng	3.5	3.0	0.0	Vắng	
33	2164010186	Nguyễn Thị Hồng	Anh	KC	ĐH	3.5	3.0	3.5	1.0	3.0	
34	2164010188	Nguyễn Văn	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
35	2164010232	Hoàng Thị Kim	Anh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
36	2164010235	Phạm Thị Vân	Anh	KC	ĐH	5.5	5.5	2.5	4.0	4.5	
37	2164060003	Đào Thị Phương	Anh	KC	ĐH	4.5	4.5	3.5	5.0	4.5	
38	2164060004	Ngô Thị Hồng	Anh	KC	ĐH	5.5	4.0	3.5	2.0	4.0	
39	2164060005	Phùng Ngọc	Anh	KC	ĐH	5.5	3.5	5.0	5.5	5.0	
40	2164010065	Lê Ngọc	Ánh	KC	ĐH	5.0	5.5	4.5	6.5	5.5	
41	2164010130	Nguyễn Thị	Bình	KC	ĐH	5.0	6.0	3.0	6.5	5.0	
42	2064010107	Trịnh Thị Huyền	Châm	KC	ĐH	Vắng	3.5	3.5	0.5	Vắng	
43	2164010007	Nguyễn Thị	Chi	KC	ĐH	4.0	2.5	3.0	4.0	3.5	
44	2164010132	Lương Huệ	Chi	KC	ĐH	6.0	6.0	6.5	3.5	5.5	
45	2164010236	Hoàng Thị Linh	Chi	KC	ĐH	3.5	5.0	4.5	1.0	3.5	
46	2161070004	Hồ Công	Chiên	KC	ĐH	5.5	6.5	3.5	4.5	5.0	
47	2161070005	Chu Quốc	Cường	KC	ĐH	5.0	7.5	5.5	6.0	6.0	
48	2161070006	Đào Mạnh	Cường	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
49	2164060010	Nguyễn Trọng Việt	Cường	KC	ĐH	6.0	4.5	4.5	3.0	4.5	
50	2164010008	Ngô Hải	Đặng	KC	ĐH	7.5	4.5	5.5	6.5	6.0	
51	2064010158	Trần Tiến	Đạt	KC	ĐH	Vắng	5.5	2.5	2.5	Vắng	
52	2066030002	Nguyễn Văn	Đạt	KC	ĐH	6.5	3.5	3.0	2.5	4.0	
53	2164010133	Nguyễn Tuấn	Đạt	KC	ĐH	7.0	6.5	6.0	6.5	6.5	
54	2064010109	Nguyễn Ngọc	Diệp	KC	ĐH	Vắng	3.5	3.5	1.0	Vắng	
55	2064010159	Lê Thị Ngọc	Diệp	KC	ĐH	Vắng	6.0	2.0	3.0	Vắng	
56	2164010192	Đặng Thị	Diệp	KC	ĐH	3.5	5.0	4.0	2.5	4.0	
57	2164060012	Nguyễn	Đô	KC	ĐH	3.0	2.5	3.5	1.0	2.5	
58	2162030002	Nguyễn Khắc	Đông	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
59	2162030003	Vũ Hữu	Đông	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
60	2161070007	Lê Đình Tài	Đức	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
61	2162030004	Nguyễn Văn	Đức	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	Vắng	
62	2164010066	Đỗ Anh	Đức	KC	ĐH	7.0	7.5	4.5	4.5	6.0	
63	2164010134	Cao Thị	Đức	KC	ĐH	7.0	7.5	5.0	4.0	6.0	
64	2164010009	Nguyễn Thị	Dung	KC	ĐH	3.0	3.5	2.5	0.5	2.5	
65	2164010067	Phạm Thùy	Dương	KC	ĐH	8.0	6.5	5.0	8.5	7.0	
66	2164010193	Nguyễn Trịnh Thùy	Dương	KC	ĐH	3.5	2.0	2.5	0.0	2.0	
67	2166030002	Trương Văn	Dương	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
68	216101CLC02	Phạm Viết	Dương	KC	ĐH	4.0	4.0	3.5	2.5	3.5	
69	2164010240	Phạm Thị	Duyên	KC	ĐH	v	4.0	2.5	0.0	1.5	
70	2064010112	Nguyễn Thị	Giang	KC	ĐH	4.5	4.0	3.5	2.5	3.5	
71	2164010010	Hà Thị	Giang	KC	ĐH	4.5	2.5	2.5	1.0	2.5	
72	2064010162	Phạm Thị Thu	Hà	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
73	2164010069	Hoàng Lê Ngân	Hà	KC	ĐH	7.0	6.5	5.5	8.0	7.0	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
74	2164010070	Trương Thị	Hà	KC	ĐH	4.5	4.0	2.5	1.0	3.0	
75	2164010194	Mai Ngọc	Hà	KC	ĐH	3.0	6.5	4.0	3.0	4.0	
76	2164010241	Trịnh Thị	Hà	KC	ĐH	3.0	5.0	3.0	5.5	4.0	
77	2164060018	Nguyễn Thị	Hà	KC	ĐH	3.5	3.5	3.0	2.0	3.0	
78	2164070002	Đỗ Thị Ngọc	Hà	KC	ĐH	2.5	3.0	4.5	7.5	4.5	
79	2166030004	Bùi Khánh	Hạ	KC	ĐH	3.5	3.5	5.0	4.5	4.0	
80	2166030005	Phạm Văn	Hải	KC	ĐH	4.0	5.0	3.5	1.5	3.5	
81	2166030006	Trịnh Ngọc	Hân	KC	ĐH	4.0	2.5	4.5	3.0	3.5	
82	2164010011	Dương Thị Thanh	Hằng	KC	ĐH	5.0	4.5	5.5	5.0	5.0	
83	2164010072	Lữ Minh	Hằng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
84	2164010073	Trương Thị Thu	Hằng	KC	ĐH	5.5	5.0	3.0	5.0	4.5	
85	2164010136	Lê Thị	Hằng	KC	ĐH	4.5	4.0	4.0	7.0	5.0	
86	2164010242	Đỗ Thị Thu	Hằng	KC	ĐH	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	
87	2164070003	Nguyễn Thị	Hằng	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
88	2064010115	Hoàng Thị	Hạnh	KC	ĐH	3.5	6.0	3.5	6.0	5.0	
89	2164010012	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	KC	ĐH	4.0	7.5	5.0	5.5	5.5	
90	2164010074	Lê Thị Minh	Hạnh	KC	ĐH	5.5	4.0	5.0	5.0	5.0	
91	2164010137	Nguyễn Phương	Hạnh	KC	ĐH	2.5	3.5	3.0	0.5	2.5	
92	2164010195	Trịnh Lưu Phương	Hào	KC	ĐH	6.5	7.0	4.0	2.0	5.0	
93	2164010013	Trịnh Thị	Hậu	KC	ĐH	2.5	3.5	3.0	4.0	3.5	
94	2164010014	Nguyễn Thị	Hậu	KC	ĐH	6.0	4.5	2.5	5.0	4.5	
95	2164010075	Hồ Thị Thanh	Hiền	KC	ĐH	5.5	4.5	5.0	4.0	5.0	
96	2164010076	Lê Thị	Hiền	KC	ĐH	5.0	6.0	3.5	4.5	5.0	
97	2164010244	Lê Thu	Hiền	KC	ĐH	6.0	5.5	5.5	7.0	6.0	
98	2164010288	Nguyễn Thuý	Hiền	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
99	2164070005	Lê Thị	Hiền	KC	ĐH	7.5	6.5	3.5	8.5	6.5	
100	2166030008	Trần Thị	Hiền	KC	ĐH	3.5	3.5	2.5	4.5	3.5	
101	2162030005	Nguyễn Minh	Hiếu	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
102	2164010015	Nguyễn Ngọc	Hiếu	KC	ĐH	3.0	4.5	5.0	3.5	4.0	
103	2164010077	Đồng Thị Minh	Hiếu	KC	ĐH	2.0	2.5	3.0	5.5	3.5	
104	2164060019	Đặng Ngọc	Hiếu	KC	ĐH	6.0	5.5	6.0	3.5	5.5	
105	2162030006	Trần Hữu	Hiệu	KC	ĐH	0.0	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
106	2166030009	Trịnh Thị	Hoài	KC	ĐH	4.0	5.5	2.0	5.5	4.5	
107	2064010116	Lê Xuân Thái	Hoàng	KC	ĐH	3.5	3.5	2.5	5.0	3.5	
108	2162030007	Lê Trần	Hoàng	KC	ĐH	2.0	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
109	2164060021	Lê Văn	Hoàng	KC	ĐH	1.0	4.5	4.5	6.5	4.0	
110	2164060022	Lê Khắc	Hoàng	KC	ĐH	5.5	5.0	3.5	7.5	5.5	
111	2164070007	Nguyễn Công	Hoàng	KC	ĐH	6.0	4.0	3.5	8.0	5.5	
112	2066010017	Lê Thị	Hồng	KC	ĐH	2.0	4.5	3.5	8.0	4.5	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
113	2069000340	Hà Thị	Hồng	KC	ĐH	4.0	4.5	1.5	4.5	3.5	
114	2164010016	Nguyễn Thị	Hồng	KC	ĐH	5.0	5.0	4.5	6.5	5.5	
115	2164010078	Lê Thị	Hồng	KC	ĐH	4.0	3.5	3.0	7.0	4.5	
116	2164070008	Hoàng Thị	Hồng	KC	ĐH	3.5	5.0	3.5	3.0	4.0	
117	2164060023	Tạ Văn	Huân	KC	ĐH	4.0	7.0	2.5	7.0	5.0	
118	2164010139	Trần Thị	Huế	KC	ĐH	5.0	5.0	3.0	7.0	5.0	
119	2164010197	Lê Thị	Huệ	KC	ĐH	5.5	5.5	3.0	5.5	5.0	
120	2061020008	Lê Trọng	Hung	KC	ĐH	6.5	9.0	6.5	8.0	7.5	
121	2064010117	Phạm Thị Lan	Hương	KC	ĐH	3.5	3.5	2.5	6.5	4.0	
122	2164010017	Nguyễn Thị Thu	Hương	KC	ĐH	4.0	4.5	4.0	5.0	4.5	
123	2164010018	Hồ Thị	Hương	KC	ĐH	5.5	5.5	3.5	9.0	6.0	
124	2164010247	Lê Thị Lan	Hương	KC	ĐH	5.0	3.5	3.5	7.0	5.0	
125	2164010248	Nguyễn Thị	Hương	KC	ĐH	4.0	3.0	5.5	5.5	4.5	
126	2164060025	Nguyễn Mai	Hương	KC	ĐH	5.5	4.5	6.0	2.5	4.5	
127	2164070009	Phạm Thị Mai	Hương	KC	ĐH	5.5	5.0	2.5	3.0	4.0	
128	2164060026	Vũ Thị	Hường	KC	ĐH	4.0	3.5	2.0	1.0	2.5	
129	2164010079	Lại Khắc	Huy	KC	ĐH	5.5	6.0	4.0	7.5	6.0	
130	2164010019	Đào Thị Thanh	Huyền	KC	ĐH	4.5	4.0	3.5	6.5	4.5	
131	2164010020	Lê Thị Trang	Huyền	KC	ĐH	4.0	6.0	4.5	6.5	5.5	
132	2164010021	Phạm Thị Thanh	Huyền	KC	ĐH	4.0	4.0	5.5	7.5	5.5	
133	2164010081	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	KC	ĐH	3.0	2.5	2.5	3.0	3.0	
134	2164010082	Phạm Khánh	Huyền	KC	ĐH	4.0	4.0	3.0	8.0	5.0	
135	2164010140	Phạm Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	4.0	4.0	4.5	8.0	5.0	
136	2164010141	Đặng Thị	Huyền	KC	ĐH	3.0	4.0	3.5	5.5	4.0	
137	2164010142	Nguyễn Thu	Huyền	KC	ĐH	6.0	4.5	3.5	8.0	5.5	
138	2164010200	Mạch Thu	Huyền	KC	ĐH	7.5	7.5	6.5	7.5	7.5	
139	2164010249	Lê Thị	Huyền	KC	ĐH	4.5	2.5	3.0	1.5	3.0	
140	2164010250	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	KC	ĐH	7.0	7.5	6.0	3.0	6.0	
141	2164070010	Nguyễn Thị	Huyền	KC	ĐH	4.5	6.5	2.5	0.5	3.5	
142	2166030010	Lường Thị	Huyền	KC	ĐH	4.5	3.5	3.0	4.0	4.0	
143	2166030011	Hoàng Thị	Huyền	KC	ĐH	3.0	4.0	2.0	3.0	3.0	
144	2164060028	Nguyễn Đức	Khánh	KC	ĐH	0.5	3.5	3.0	0.0	2.0	
145	2166030012	Lộc Minh	Khoa	KC	ĐH	2.0	3.0	4.0	4.0	3.5	
146	2162030008	Nguyễn Đăng	Kiên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
147	2164010143	Lê Tuấn	Kiệt	KC	ĐH	3.5	3.0	2.5	0.0	2.5	
148	2169010026	Sùng Thị	La	KC	ĐH	4.0	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
149	2162030009	Lê Thanh	Lam	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
150	2164010201	Hà Tùng	Lâm	KC	ĐH	7.5	7.5	5.0	7.0	7.0	
151	2164010022	Nguyễn Thị	Lan	KC	ĐH	4.0	3.0	1.5	0.0	2.0	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
152	2164010144	Nguyễn Thị	Lan	KC	ĐH	2.5	3.0	3.0	0.0	2.0	
153	2164060029	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	KC	ĐH	4.5	3.0	3.0	1.5	3.0	
154	2164060030	Nguyễn Thị Huyền	Lê	KC	ĐH	4.0	4.5	3.0	2.5	3.5	
155	2064010216	Lê Thị	Lệ	KC	ĐH	3.0	4.0	3.0	0.5	2.5	
156	2069010029	Bùi Huệ	Linh	KC	ĐH	2.0	3.0	2.5	3.5	3.0	
157	2162030024	Nguyễn Kim	Linh	KC	ĐH	3.5	4.0	2.5	3.5	3.5	
158	2164010023	Lê Khánh	Linh	KC	ĐH	4.5	5.0	3.5	5.0	4.5	
159	2164010024	Nguyễn Khánh	Linh	KC	ĐH	5.0	3.5	2.5	2.5	3.5	
160	2164010025	Tổng Khánh	Linh	KC	ĐH	3.0	3.5	3.0	3.0	3.0	
161	2164010085	Lương Thị Khánh	Linh	KC	ĐH	4.0	4.0	4.0	3.0	4.0	
162	2164010086	Hoàng Thị Phương	Linh	KC	ĐH	5.5	8.0	3.0	5.5	5.5	
163	2164010087	Mai Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	5.5	3.5	3.5	6.5	5.0	
164	2164010146	Lê Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	5.5	6.5	2.0	8.0	5.5	
165	2164010147	Nguyễn Thị	Linh	KC	ĐH	2.5	3.5	1.0	5.5	3.0	
166	2164010148	Nguyễn Hiền	Linh	KC	ĐH	2.5	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
167	2164010149	Hoàng Khánh	Linh	KC	ĐH	6.5	6.5	3.0	4.0	5.0	
168	2164010150	Lê Thị Huyền	Linh	KC	ĐH	6.0	6.0	5.5	4.0	5.5	
169	2164010151	Lê Khánh	Linh	KC	ĐH	4.5	5.5	4.5	3.5	4.5	
170	2164010202	Trịnh Mai	Linh	KC	ĐH	2.5	4.5	2.5	1.0	2.5	
171	2164010203	Đông Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
172	2164010204	Nguyễn Thùy	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
173	2164010253	Phạm Khánh	Linh	KC	ĐH	5.0	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
174	2164010254	Nguyễn Mai	Linh	KC	ĐH	8.0	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
175	2164010255	Thiều Thị	Linh	KC	ĐH	0.5	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
176	2164010256	Lê Thị Mai	Linh	KC	ĐH	7.5	4.0	5.5	8.0	6.5	
177	2164060031	Ngô Thuỳ	Linh	KC	ĐH	3.0	5.5	5.0	3.5	4.5	
178	2164060051	Lê Thùy	Linh	KC	ĐH	7.0	3.5	5.5	5.0	5.5	
179	2164070011	Phạm Thị Thùy	Linh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
180	2164070013	Đoàn Thị Hương	Linh	KC	ĐH	6.5	3.5	2.5	7.0	5.0	
181	2164070014	Nguyễn Lê Thảo	Linh	KC	ĐH	7.0	3.0	5.0	6.5	5.5	
182	2166030014	Bùi Anh	Linh	KC	ĐH	6.0	3.5	1.5	3.0	3.5	
183	2166030015	Lê Thùy	Linh	KC	ĐH	6.0	2.5	3.0	2.5	3.5	
184	2166030016	Nguyễn Thị Trường	Linh	KC	ĐH	6.0	4.0	3.0	1.0	3.5	
185	2164010152	Phan Thị	Loan	KC	ĐH	5.0	3.5	5.5	3.5	4.5	
186	2164010257	Cao Thị	Loan	KC	ĐH	3.5	4.0	1.5	1.5	2.5	
187	2164070038	Hoàng Lê Quỳnh	Loan	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
188	2164010258	Nguyễn Thị Hương	Ly	KC	ĐH	4.5	3.5	3.5	4.0	4.0	
189	2164060033	Phùng Thị My	Ly	KC	ĐH	4.5	4.0	3.5	3.0	4.0	
190	2164010026	Hoàng Thị	Lý	KC	ĐH	3.0	6.0	3.0	2.0	3.5	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
191	2164010027	Hàn Thị	Mai	KC	ĐH	3.5	4.5	3.5	1.0	3.0	
192	2164010089	Ngô Thị Thu	Mai	KC	ĐH	3.0	3.0	3.0	2.0	3.0	
193	2164010090	Nguyễn Thị Xuân	Mai	KC	ĐH	4.0	3.5	3.5	1.0	3.0	
194	2164010153	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	KC	ĐH	3.5	4.0	3.5	1.0	3.0	
195	2164010208	Phạm Thị	Mai	KC	ĐH	5.0	3.0	3.0	4.0	4.0	
196	2164010209	Nguyễn Ngọc	Mai	KC	ĐH	4.5	6.0	4.5	3.5	4.5	
197	2164010259	Trịnh Thị	Mai	KC	ĐH	4.0	5.5	3.5	1.5	3.5	
198	2164070017	Lê Ngọc	Mai	KC	ĐH	4.5	4.0	5.0	3.0	4.0	
199	2161070011	Lê Văn	Mạnh	KC	ĐH	5.5	3.0	2.5	0.5	3.0	
200	2066010029	Đỗ Thị	Mến	KC	ĐH	5.0	5.0	5.5	5.5	5.5	
201	2164070018	Phạm Thị	Mến	KC	ĐH	4.5	5.5	3.0	5.0	4.5	
202	2161070012	Trịnh Tuấn	Minh	KC	ĐH	3.0	4.0	3.0	0.0	2.5	
203	2164010028	Nguyễn Phương	Minh	KC	ĐH	v	3.5	4.0	0.5	2.0	
204	2164060034	Nguyễn Ngọc	Minh	KC	ĐH	v	3.5	3.0	0.0	1.5	
205	2166030018	Bùi Thị	Mùi	KC	ĐH	3.0	3.0	4.0	1.0	3.0	
206	2164010029	Trần Thị Hằng	My	KC	ĐH	5.0	3.5	4.0	2.0	3.5	
207	2164010091	Bùi Thị Hà	My	KC	ĐH	5.0	7.5	4.0	4.0	5.0	
208	2164010092	Vũ Thị Trà	My	KC	ĐH	5.0	3.5	3.0	3.0	3.5	
209	2164010155	Bùi Thị Trà	My	KC	ĐH	v	3.0	3.5	1.5	2.0	
210	2164010210	Phạm Thị My	My	KC	ĐH	v	3.0	3.5	2.0	2.0	
211	2164010261	Nguyễn Trà	My	KC	ĐH	5.0	4.5	3.5	0.5	3.5	
212	2164070020	Bùi Hà	My	KC	ĐH	v	3.5	3.5	1.0	2.0	
213	2162030010	Lê Khắc	Nam	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
214	2164010093	Nguyễn Thị Thúy	Nga	KC	ĐH	5.0	6.0	4.5	7.0	5.5	
215	2164010156	Nguyễn Thị Kim	Ngân	KC	ĐH	5.5	5.0	3.0	6.5	5.0	
216	2164060036	Lê Thu	Ngân	KC	ĐH	3.0	4.0	3.5	1.0	3.0	
217	2166030019	Hoàng Thị	Ngân	KC	ĐH	3.0	4.5	3.0	1.5	3.0	
218	2162030011	Nguyễn Hữu Thế	Nghĩa	KC	ĐH	2.5	3.5	4.5	2.0	3.0	
219	2164010211	Lê Thị	Nghĩa	KC	ĐH	8.0	8.0	4.5	8.5	7.5	
220	2164010030	Phan Thị Bảo	Ngọc	KC	ĐH	2.5	5.5	2.5	1.0	3.0	
221	2164010031	Đỗ Thị Cẩm	Ngọc	KC	ĐH	8.0	2.5	3.0	4.0	4.5	
222	2164010032	Lê Thị Minh	Ngọc	KC	ĐH	3.5	7.0	5.0	4.0	5.0	
223	2164010262	Lê Thị Khánh	Ngọc	KC	ĐH	3.5	5.0	6.0	5.5	5.0	
224	2164070021	Lê Sĩ	Nguyên	KC	ĐH	8.0	6.5	3.5	8.0	6.5	
225	2164010263	Nguyễn Thị	Nguyệt	KC	ĐH	3.5	6.0	3.5	3.0	4.0	
226	2164070022	Lê Ánh	Nguyệt	KC	ĐH	7.5	5.5	4.5	6.5	6.0	
227	2164010033	Lê Thị Tuyết	Nhi	KC	ĐH	5.5	3.5	3.5	4.0	4.0	
228	2164010034	Trương Yến	Nhi	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
229	2164010095	Lê Yến	Nhi	KC	ĐH	Vắng	3.0	3.0	1.5	Vắng	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
230	2164010157	Trịnh Linh	Nhi	KC	ĐH	Vắng	3.0	5.0	2.5	Vắng	
231	2164010158	Nguyễn Hà Yến	Nhi	KC	ĐH	3.0	5.0	4.0	2.5	3.5	
232	2164010212	Nguyễn Thị Yến	Nhi	KC	ĐH	2.0	4.0	4.0	0.5	2.5	
233	2164010035	Nguyễn Thị Kiều	Nhung	KC	ĐH	3.5	3.5	2.5	1.0	2.5	
234	2164010096	Trương Thị Phương	Nhung	KC	ĐH	3.0	5.0	3.5	2.5	3.5	
235	2164010213	Đỗ Hồng	Nhung	KC	ĐH	5.0	3.5	3.0	1.5	3.5	
236	2164010214	Phạm Hồng	Nhung	KC	ĐH	4.5	7.0	6.5	2.5	5.0	
237	2164010264	Vũ Thị Hồng	Nhung	KC	ĐH	2.5	5.0	2.5	2.5	3.0	
238	2164060039	Nguyễn Huyền	Nhung	KC	ĐH	3.5	4.5	2.0	0.0	2.5	
239	2164060040	Nguyễn Thị	Nhung	KC	ĐH	4.5	5.0	3.0	2.0	3.5	
240	2164010161	Trịnh Thị	Oanh	KC	ĐH	Vắng	3.5	3.5	3.5	Vắng	
241	2164060041	Triệu Thị	Oanh	KC	ĐH	3.0	3.5	2.5	1.5	2.5	
242	2164070023	Hoàng Thị Tú	Oanh	KC	ĐH	6.5	5.0	3.0	5.0	5.0	
243	2164010162	Trịnh Quang Công	Phát	KC	ĐH	8.0	8.0	7.0	6.5	7.5	
244	2064020108	Lê Văn	Phổ	KC	ĐH	5.0	5.0	4.5	3.0	4.5	
245	2164010266	Cao Thị	Phúc	KC	ĐH	6.0	6.0	3.0	2.0	4.5	
246	2164010036	Lê Thị	Phương	KC	ĐH	3.0	7.5	3.5	1.0	4.0	
247	2164010099	Phan Thị	Phương	KC	ĐH	5.0	6.5	6.5	4.5	5.5	
248	2164010100	Trương Thị	Phương	KC	ĐH	4.5	3.0	2.5	3.5	3.5	
249	2164010163	Đoàn Thu	Phương	KC	ĐH	5.0	2.5	5.0	4.5	4.5	
250	2164010164	Lê Thu	Phương	KC	ĐH	7.5	6.0	7.0	7.5	7.0	
251	2164010267	Bùi Mai	Phương	KC	ĐH	4.5	5.0	3.5	2.5	4.0	
252	2161070021	Đới Văn	Quân	KC	ĐH	3.0	4.0	5.0	3.0	4.0	
253	2164010268	Hoàng Huy	Quang	KC	ĐH	Vắng	2.5	3.0	0.5	Vắng	
254	2161070014	Nguyễn Văn	Quốc	KC	ĐH	Vắng	3.5	2.0	0.5	Vắng	
255	2164010101	Lê Thị	Quý	KC	ĐH	6.5	4.0	4.5	0.5	4.0	
256	2164010165	Trịnh Thị	Quý	KC	ĐH	3.5	2.5	4.0	1.0	3.0	
257	2164060042	Nguyễn Thiên	Quý	KC	ĐH	7.0	6.0	5.5	6.5	6.5	
258	2164060043	Bùi Ngọc	Quý	KC	ĐH	3.0	3.5	3.0	2.5	3.0	
259	2164010216	Phạm Thị	Quyên	KC	ĐH	7.0	6.0	4.5	6.0	6.0	
260	2164010269	Ngô Ngọc	Quyên	KC	ĐH	7.0	7.0	3.5	7.5	6.5	
261	2164070024	Hà Thị	Quyên	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
262	2064020036	Hoàng Như	Quỳnh	KC	ĐH	4.0	6.0	3.5	2.5	4.0	
263	2164010040	Bùi Thị	Quỳnh	KC	ĐH	5.5	6.5	5.0	5.5	5.5	
264	2164010041	Lê Thị	Quỳnh	KC	ĐH	4.5	3.0	3.5	5.5	4.0	
265	2164010060	Nguyễn Thu	Quỳnh	KC	ĐH	5.5	4.0	4.5	4.5	4.5	
266	2164010103	Lê Thị Như	Quỳnh	KC	ĐH	7.0	8.5	4.0	7.5	7.0	
267	2164010104	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	KC	ĐH	9.0	6.0	6.5	7.5	7.5	
268	2164010167	Lê Thị	Quỳnh	KC	ĐH	7.0	3.5	5.5	7.5	6.0	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối trợng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
269	2164010168	Thiều Như	Quỳnh	KC	ĐH	8.0	5.5	5.0	7.0	6.5	
270	2164010217	Nguyễn Thị	Quỳnh	KC	ĐH	6.5	4.5	2.5	7.5	5.5	
271	2164070025	Lê Thị	Quỳnh	KC	ĐH	9.0	7.0	7.0	8.0	8.0	
272	2164070026	Dương Ngọc	Quỳnh	KC	ĐH	8.0	7.0	6.5	6.0	7.0	
273	2164010219	Đỗ Ngọc	Son	KC	ĐH	6.0	6.5	5.0	2.0	5.0	
274	2161070016	Nguyễn Văn	Tài	KC	ĐH	4.0	3.5	5.0	0.5	3.5	
275	2162030014	Trần Minh	Tâm	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
276	2162030015	Lê Văn	Tâm	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
277	2164010272	Cầm Thị Mỹ	Tâm	KC	ĐH	5.0	4.0	3.5	1.5	3.5	
278	2164060044	Tổng Thị	Tâm	KC	ĐH	4.5	2.0	6.0	3.0	4.0	
279	2164060054	Lê Thị Khánh	Tâm	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
280	2164010042	TrịNh Thị	TàN	KC	ĐH	4.5	3.5	3.0	4.0	4.0	
281	2164010105	Vũ Thị	Thắm	KC	ĐH	1.5	3.5	5.0	1.5	3.0	
282	2064010215	Phạm Hải	Thanh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
283	2164010169	Phạm Thị	Thanh	KC	ĐH	4.5	4.0	3.5	2.5	3.5	
284	2162030025	Mai Văn	Thành	KC	ĐH	3.0	4.0	1.5	3.0	3.0	
285	2164010106	Nguyễn Công	Thành	KC	ĐH	3.0	5.0	5.0	2.5	4.0	
286	2164010107	Phan Tiến	Thành	KC	ĐH	5.0	4.0	4.5	4.0	4.5	
287	2164010043	Dương Thị	Thảo	KC	ĐH	6.0	4.5	4.5	4.0	5.0	
288	2164010044	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KC	ĐH	5.0	7.0	5.0	4.0	5.5	
289	2164010108	Đỗ Xuân	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
290	2164010109	Lương Phương	Thảo	KC	ĐH	4.0	3.5	3.0	1.0	3.0	
291	2164010170	Nguyễn Thị	Thảo	KC	ĐH	3.0	4.0	3.5	0.5	3.0	
292	2164010220	Nguyễn Thanh	Thảo	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
293	2164010273	Nguyễn Phương	Thảo	KC	ĐH	4.5	3.0	3.5	3.0	3.5	
294	2164070027	Nguyễn Thị	Thảo	KC	ĐH	4.5	4.0	3.0	3.0	3.5	
295	2164070028	Hoàng Thị	Thảo	KC	ĐH	4.0	4.5	5.0	1.0	3.5	
296	2166030025	Vũ Thanh	Thảo	KC	ĐH	5.0	3.5	3.0	0.0	3.0	
297	2164010171	Phạm Thị Minh	Thi	KC	ĐH	5.5	4.5	4.5	4.0	4.5	
298	2164010221	Nguyễn Hoàng	Thiên	KC	ĐH	5.0	5.5	5.0	3.0	4.5	
299	2162030018	Lê Ngọc	Thịnh	KC	ĐH	3.0	3.0	3.0	0.0	2.5	
300	2164060045	Trần Đức An	Thịnh	KC	ĐH	6.5	7.0	5.0	3.0	5.5	
301	2164010274	Lê Tiến	Thọ	KC	ĐH	4.5	3.5	3.5	3.0	3.5	
302	2164010045	Bùi Tám	Thơm	KC	ĐH	5.0	5.0	3.0	5.0	4.5	
303	2164010046	Vũ Thị Minh	Thu	KC	ĐH	4.0	8.0	6.0	8.0	6.5	
304	2164010110	Đinh Thị	Thu	KC	ĐH	4.0	4.0	3.5	3.0	3.5	
305	2164010111	Nguyễn Thị	Thu	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	2.0	3.5	
306	2164010172	Hoàng Trần Hoài	Thu	KC	ĐH	2.5	5.0	3.0	2.0	3.0	
307	2164010173	Lê Thị	Thu	KC	ĐH	6.0	4.0	3.0	5.5	4.5	

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối trợng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
308	2164010222	Hoàng Trang	Thu	KC	ĐH	4.0	4.5	3.0	3.0	3.5	
309	2164010275	Hoàng Thị	Thu	KC	ĐH	4.5	4.0	4.5	4.0	4.5	
310	2164010223	Hà Thị	Thư	KC	ĐH	6.0	3.5	3.0	3.0	4.0	
311	2164010276	Hoàng Lê Anh	Thư	KC	ĐH	7.0	6.5	6.5	7.5	7.0	
312	2164070029	Nguyễn Thị	Thư	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
313	2164010047	Trịnh Thị Lê	Thương	KC	ĐH	3.0	3.0	2.5	0.0	2.0	
314	2164010048	Lưu Thị	Thương	KC	ĐH	5.0	4.0	5.5	7.0	5.5	
315	2161070017	Phạm Duy	Thường	KC	ĐH	6.0	6.0	7.0	6.5	6.5	
316	1663020057	Đinh Thị Phương	Thúy	KC	ĐH	4.0	7.0	5.0	8.0	6.0	
317	2164010112	Nguyễn Thị	Thúy	KC	ĐH	4.5	4.0	3.5	3.5	4.0	
318	2164010224	Lê Thị	Thúy	KC	ĐH	3.5	2.5	2.5	0.0	2.0	
319	2164070031	Cao Thị	Thúy	KC	ĐH	7.0	6.0	4.0	8.0	6.5	
320	2164010113	Lê Thị	Thùy	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
321	2064010191	Vi Thị Bích	Thùy	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
322	2164010225	Lê Thị	Thùy	KC	ĐH	4.0	3.0	1.5	2.5	3.0	
323	2166030026	Lò Thị	Tiến	KC	ĐH	2.5	4.0	3.5	4.5	3.5	
324	2164060046	Trần Đức	Tính	KC	ĐH	4.0	5.0	1.5	1.0	3.0	
325	2164010114	Lê Thị	Trà	KC	ĐH	6.0	5.0	4.0	7.5	5.5	
326	2164010175	Hoàng Thị Hương	Trà	KC	ĐH	3.0	2.0	3.5	3.0	3.0	
327	2164010049	Lê Thị	Trang	KC	ĐH	2.5	3.5	2.0	0.5	2.0	
328	2164010050	Nguyễn Thị Kiều	Trang	KC	ĐH	3.5	3.5	6.5	1.0	3.5	
329	2164010051	Lê Thị	Trang	KC	ĐH	4.0	3.0	2.5	0.5	2.5	
330	2164010052	Nguyễn Thị	Trang	KC	ĐH	3.5	3.0	3.5	4.0	3.5	
331	2164010115	Phan Thị Minh	Trang	KC	ĐH	5.0	4.0	2.5	6.0	4.5	
332	2164010116	Lê Thị	Trang	KC	ĐH	4.5	4.0	6.0	6.0	5.0	
333	2164010119	Trần Thị	Trang	KC	ĐH	6.5	8.5	5.5	7.5	7.0	
334	2164010176	Dương Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	4.0	3.5	3.5	1.0	3.0	
335	2164010177	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	KC	ĐH	3.0	4.5	3.0	3.0	3.5	
336	2164010178	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	4.0	6.5	3.5	0.5	3.5	
337	2164010179	Thiều Minh	Trang	KC	ĐH	4.5	4.0	2.5	5.0	4.0	
338	2164010227	Bùi Thị	Trang	KC	ĐH	4.0	3.5	2.5	1.0	3.0	
339	2164010229	Lê Thu	Trang	KC	ĐH	4.0	4.5	4.5	2.5	4.0	
340	2164010278	Đinh Thị	Trang	KC	ĐH	6.5	4.0	5.5	5.0	5.5	
341	2164010279	Đỗ Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	3.0	4.5	3.5	7.5	4.5	
342	2164010280	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	5.0	4.5	5.0	6.5	5.5	
343	2164060047	Phạm Huyền	Trang	KC	ĐH	3.0	3.5	4.0	6.0	4.0	
344	2164070039	Hoàng Thị Huyền	Trang	KC	ĐH	7.5	5.5	3.5	4.5	5.5	
345	2064010196	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	✓
346	2164010053	Dương Thị Mai	Trinh	KC	ĐH	6.5	5.0	5.0	4.0	5.0	th

TT	Mã SV	Họ lót	Tên	Đối tượng	Bậc học	Nói	Đọc	Nghe	Viết	TB	Ghi chú
347	2169010122	Vi Thị	Trình	KC	ĐH	3.0	Vắng	Vắng	0.0	0.0	ĐC
348	2166030027	Nguyễn Thị	Trúc	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
349	2164010120	Đỗ Nguyên	Trung	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
350	2162030020	Hoàng Nguyễn	Tuấn	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
351	2164070033	Phạm Văn	Tùng	KC	ĐH	3.0	2.5	3.5	6.0	4.0	
352	2164010180	Đinh Thị	Tươi	KC	ĐH	4.0	2.0	4.0	4.5	3.5	
353	2162030022	Nguyễn Đỗ Bằng	Tường	KC	ĐH	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
354	2164010121	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	KC	ĐH	5.0	5.0	4.5	2.5	4.5	
355	2164010283	Nguyễn Thị	Tuyết	KC	ĐH	3.0	3.5	1.5	5.0	3.5	
356	2164010054	Nguyễn Thị	Ước	KC	ĐH	3.0	4.5	3.0	4.5	4.0	
357	2064010199	Hàn Thị Quỳnh	Vân	KC	ĐH	2.5	4.5	5.0	1.5	3.5	
358	2164010181	Nguyễn Hà	Vân	KC	ĐH	5.5	5.5	4.0	7.0	5.5	
359	2164010230	Nguyễn Thị	Vân	KC	ĐH	3.0	2.0	2.5	0.5	2.0	
360	2164010284	Bùi Thị	Vân	KC	ĐH	4.0	4.5	3.0	4.0	4.0	
361	2164010055	Phạm Hà	Vi	KC	ĐH	7.0	9.0	3.0	5.0	6.0	
362	2064020098	Nguyễn Tuấn	Vũ	KC	ĐH	4.5	2.5	3.5	4.0	3.5	
363	2164010123	Lê Văn	Vũ	KC	ĐH	4.0	4.5	3.5	4.0	4.0	
364	2164010183	Lê Thị	Xuân	KC	ĐH	5.0	5.0	4.5	3.0	4.5	
365	2069000108	Lê Thị	Yến	KC	ĐH	4.0	4.5	5.5	3.0	4.5	
366	2164010056	Nguyễn Thị Hải	Yến	KC	ĐH	7.5	6.0	3.0	7.0	6.0	
367	2164010057	Nguyễn Thị Hải	Yến	KC	ĐH	3.5	3.0	3.5	3.0	3.5	
368	2164010124	Lê Hải	Yến	KC	ĐH	7.0	6.0	5.5	5.0	6.0	
369	2164010285	Nguyễn Thị	Yến	KC	ĐH	5.0	3.5	5.0	5.0	4.5	

Ghi chú: KC: Đối tượng không chuyên ngữ; CN: chuyên ngữ; DH: Đại học;

Danh sách ấn định có 369 sinh viên./.

**TRƯỜNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hoàng Nam

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Nguyễn Thế Cường